

# HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG: Cơ hội, thách thức, và một số khuyến nghị chính sách

Phí Vĩnh Tường\*, Phạm Sỹ An\*\*

*Việt Nam đang chuẩn bị tham gia Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP). Đây là một mốc hội nhập quan trọng, có thể tác động mạnh đến tăng trưởng kinh tế và phát triển, vì thế cần phải phân tích các cơ hội và thách thức của việc gia nhập TPP, làm tiền đề cho những phản ứng chính sách phù hợp. Gia nhập TPP mở ra nhiều cơ hội như mở rộng thị trường xuất khẩu, nhập khẩu công nghệ, thu hút FDI, và cải cách thể chế. Tuy nhiên, Chính phủ cũng sẽ phải đối mặt với không ít thách thức như sức ép cạnh tranh, hạn chế khả năng điều chỉnh chính sách do các quy định ngặt nghèo của TPP, sự khó thích ứng của các ngành trong nước, và “sa lầy thể chế”. Để tận dụng cơ hội và đối mặt với thách thức, cần một số nhóm giải pháp cho doanh nghiệp và Chính phủ, mà đặc biệt quan trọng là khâu chuẩn bị của doanh nghiệp và khâu cải cách thể chế và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng.*

**Từ khóa:** TPP, hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương

## 1. Mở đầu

Nền kinh tế Việt Nam chứng kiến những bước hội nhập quan trọng trong thập kỷ vừa qua. Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, ký năm 2001, đã có những tác động tích cực đến nền kinh tế nói chung và thương mại nói riêng. Việt Nam chính thức là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) năm 2007. Đây được coi là dấu mốc hội nhập quan trọng, đánh dấu bước ngoặt của nền kinh tế. Trở thành thành viên của WTO, nền kinh tế được kỳ vọng sẽ đạt được những bước tiến mới trên các bậc thang của sự thịnh vượng và dòng đầu tư trong và ngoài nước tăng mạnh ngay sau đó. Tuy nhiên, phản ứng chính sách tiền tệ chưa hiệu quả đã khiến lạm phát tăng cao vào năm 2008. Thêm vào đó, những tác động tiêu cực từ cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu góp phần làm trầm trọng thêm những vấn đề bên trong của nền kinh tế. Quyết tâm đưa nền kinh tế trở lại đà tăng trưởng, thoát khỏi bất ổn kinh tế vĩ mô, đã kéo dài từ năm 2009 cho đến nay. Trong giai đoạn 2000–2014, Việt Nam còn nhiều mốc hội nhập khác. Tuy nhiên, hai mốc hội nhập nói trên – Hiệp định Thương mại Song phương Việt Nam-Hoa Kỳ và gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới – được xem là quan trọng và có tác động rõ ràng hơn cả lên

nền kinh tế.

Năm 2015, Việt Nam có thể trở thành thành viên của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), vốn được xem là sân chơi của thế kỷ 21. Hiệp định TPP đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hợp tác và mở rộng quan hệ giữa các nước thành viên, hiện có 12 nước: Úc, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore, Hoa Kỳ và Việt Nam. Cơ hội phát triển khi tham gia TPP được xem là to lớn đối với Việt Nam. Các phân tích định tính và định lượng của một số chuyên gia cho thấy các nền kinh tế kém phát triển hơn sẽ có cơ hội phát triển mạnh hơn và “*Việt Nam là một trong những nước hưởng lợi lớn từ TPP*” (Phuong Minh, 2013b); GDP của Việt Nam sẽ tăng 46,1 tỷ USD, tương đương với 13,6% khi tham gia TPP (Petri và Plummer, 2012).

Tuy nhiên, tham gia TPP không chỉ đem lại các cơ hội phát triển. Những thách thức khi là thành viên hiệp định này cũng không hề nhỏ. Để tối đa hóa lợi ích của việc hội nhập kinh tế quốc tế trong khung khổ TPP, đánh giá đúng các cơ hội và thách thức để chủ động chuẩn bị hệ thống giải pháp là việc cần thiết.

## 2. Các cơ hội phát triển khi gia nhập TPP

Gia nhập TPP được kỳ vọng sẽ đưa đến nhiều cơ hội phát triển cho Việt Nam. Một số cơ hội đó có thể xuất hiện ngay ở giai đoạn đàm phán gia nhập hoặc trong quá trình tham gia hiệp định.

### **2.1. Cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu**

Với bất kỳ hiệp định thương mại nào, cơ hội đầu tiên là mở rộng thị trường xuất khẩu. Các doanh nghiệp Việt Nam mong muốn được mở rộng thị trường và xuất khẩu sang các nước đối tác; ngược lại, doanh nghiệp của các nước khác cũng mong muốn được mở rộng thị trường và xuất khẩu sang thị trường Việt Nam. Nếu hàng hóa các nước tương đồng và mang tính cạnh tranh, thay thế cao thì lợi ích thu được có thể không lớn nhưng nếu hai nước có sự khác biệt về sản phẩm trao đổi và bổ sung cho nhau thì lợi ích thu được lớn hơn rất nhiều.

Cơ cấu các nước thành viên (hiện tại và tiềm năng) thuộc TPP bao gồm có một số nước lớn và phát triển như Mỹ, Nhật Bản, Canada. Cơ cấu sản phẩm thương mại của các nền kinh tế này có tính chất bổ sung cho nhau thay vì cạnh tranh, thay thế cho cơ cấu sản phẩm của Việt Nam. Vì thế, cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu là rất lớn. Trong quá khứ, Hiệp định Thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ (2000) đã minh chứng cho thấy lợi ích tích cực của hai quốc gia có cơ cấu kinh tế bổ sung cho nhau khi ký kết hiệp định thương mại. Xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ tăng mạnh và góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong các năm sau đó. Tham gia TPP, Việt Nam càng có cơ hội xuất khẩu sang thị trường Mỹ với kim ngạch nhập khẩu hàng năm ở con số khổng lồ 2000 tỷ USD, trong khi xuất khẩu của nước ta và ở thị trường Mỹ còn rất nhiều tiềm năng vì hiện mới ở mức khiêm tốn 1% (Phuong Minh, 2013a).

Quy mô thị trường của các nước thành viên TPP là khá lớn. Một thị trường rộng lớn, với qui mô dân số 790 triệu người, đã được tạo ra từ 12 nước thành viên của hiệp định TPP. Thương mại của các nước thành viên TPP đã chiếm 1/3 thương mại toàn cầu (Phuong Minh, 2013a). Đây là cơ hội tốt để Việt Nam tiếp tục mở rộng thị trường, gia tăng xuất khẩu, tăng thu ngoại tệ và tạo thêm việc làm cho nền kinh tế.

### **2.2. Cơ hội nhập khẩu công nghệ có nguồn từ các nước phát triển thành viên TPP**

Hiện nay, công nghệ của Việt Nam nói chung khá lạc hậu. Không phải các doanh nghiệp Việt Nam không biết đến các công nghệ hiện đại. Các công

nghệ hiện đại, đắt tiền không thể đến được với nền kinh tế Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng, bởi nhiều nguyên nhân.

*Thứ nhất*, khi chưa tham gia TPP, chi phí nhập khẩu dây chuyền, trang thiết bị hiện đại khá cao. Sau khi là thành viên TPP, các hàng rào thuế quan giảm và các doanh nghiệp sẽ có nhiều hơn các cơ hội tiếp cận đến công nghệ cao, hiện đại từ các nước phát triển là thành viên của TPP.

*Thứ hai*, Việt Nam luôn tự hào vì có giá lao động rẻ. Tuy nhiên, thực tế phát triển cho thấy các doanh nghiệp có nhiều động lực sử dụng những công nghệ sản xuất thâm dụng lao động thay vì công nghệ thâm dụng vốn do giá lao động rẻ tương đối so với giá vốn. Đây là nguyên nhân khiến năng suất của nền kinh tế thấp và khi mà chi phí lao động tiếp tục rẻ hơn nhiều so với chi phí vốn thì doanh nghiệp tiếp tục có động lực sử dụng công nghệ sản xuất thâm dụng lao động. Trong điều kiện xuất khẩu và dòng FDI tiếp tục có xu hướng gia tăng, một mặt, nhiều việc làm sẽ được tạo ra cho nền kinh tế; mặt khác, cầu lao động gia tăng sẽ đẩy tiền công tăng cao. Như vậy, khi tham gia TPP, chi phí vốn (và giá nhập khẩu công nghệ) thấp hơn tương đối sẽ khuyến khích doanh nghiệp chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng sử dụng các công nghệ hiện đại, thâm dụng vốn.

### **2.3. Cơ hội thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhất là từ các công ty đa quốc gia**

Trong gần 25 năm thu hút FDI, nền kinh tế Việt Nam hầu như chưa hấp dẫn được các tập đoàn đa quốc gia, vốn đóng vai trò chi phối sự phát triển của mạng sản xuất toàn cầu. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, Việt Nam đã thu hút được một số tập đoàn xuyên quốc gia của thế giới. Đặc biệt, sự đầu tư của Samsung đã có những tác động tích cực đến tính hấp dẫn của nền kinh tế Việt Nam. Với qui mô đầu tư lớn, Samsung giúp Việt Nam phát ra tín hiệu tích cực trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào nền kinh tế trong những năm tới.

Các công ty đa quốc gia vào nền kinh tế có thể do nhiều yếu tố, trong đó có việc các công ty thực hiện chiến lược Trung Quốc + 1 (China plus one). Có nghĩa là, đầu tư sản xuất ở một nước sát Trung Quốc và rồi xuất khẩu vào Trung Quốc với mục tiêu cắt giảm chi phí (do giá nhân công của Trung Quốc cao tương đối so với các nước láng giềng) và giảm thiểu rủi ro. Đồng thời, cũng có nhiều công ty muốn đầu tư sản xuất tại Việt Nam để tận dụng cơ hội xuất khẩu sang các nước là thành viên của TPP.

#### **2.4. Cơ hội cải thiện công nghệ, nâng cao hiệu quả và năng suất của nền kinh tế**

Cơ hội lớn nhất và có thể đem đến lợi ích dài hạn cho nền kinh tế là cơ hội cải thiện công nghệ của nền kinh tế. Thế nhưng, cơ hội này đòi hỏi phải có sự phối hợp giữa Nhà nước và thị trường, sự tham gia tích cực và chủ động của Nhà nước. Cơ hội cải thiện công nghệ là sự phối kết hợp của nhiều cơ hội: cơ hội xuất khẩu, cơ hội nhập khẩu công nghệ nguồn và cơ hội thu hút FDI từ các tập đoàn xuyên quốc gia.

Một là, hoạt động xuất khẩu mở rộng sẽ tạo điều kiện hình thành đặc tính *tính kinh tế theo quy mô* trong các ngành nghề và trong từng doanh nghiệp, từ đó tăng năng suất của doanh nghiệp, của ngành và của nền kinh tế. Tăng kinh tế theo quy mô của ngành nghề cần nhiều hơn vai trò của Nhà nước. Nhà nước cần tạo cơ hội cho các doanh nghiệp gần gũi nhau về mặt công nghệ sản xuất, sản phẩm xuất khẩu gần gũi nhau về mặt địa lý, để các doanh nghiệp có thể hợp tác, có thể thu hút lao động, tạo nên sự giao lưu tri thức giữa các doanh nghiệp và người lao động của các doanh nghiệp. Việc hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế là cần thiết nhưng chưa đủ. Trong một khoảng không gian, cần có những doanh nghiệp có sản phẩm sản xuất, công nghệ sản xuất tương tự để có thể tạo nên tính lan truyền của công nghệ tốt nhất, tối đa hóa lợi ích lớn nhất từ tính kinh tế theo quy mô.

Hai là, để có thể kích thích năng suất của nền kinh tế, Chính phủ cần vào cuộc thúc đẩy nhập khẩu công nghệ nguồn từ các nước tiên tiến trong TPP thông qua các biện pháp khuyến khích như tài chính, hỗ trợ nguồn nhân lực, thị trường,... Một trong những lý do nhiều doanh nghiệp không nhập khẩu công nghệ tiên tiến đó là thiếu kỹ sư và công nhân tay nghề vận hành. Vì thế, Chính phủ có thể khuyến khích hay đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho việc vận hành công nghệ, máy móc, trang thiết bị hiện đại từ các nước tiên tiến.

Ba là, các công ty FDI vào nền kinh tế ngày một nhiều sẽ đem theo đó công nghệ sản xuất và kỹ năng quản lý. Tuy nhiên, như Acemoglu (2003) đã chỉ ra, công nghệ sản xuất luôn được phát minh từ các nước tiên tiến và thích hợp với kỹ sư và công nhân tại các nền kinh tế phát triển. Vì thế, các nước đang phát triển như Việt Nam với kỹ sư và công nhân tay nghề còn hạn chế thì việc vận hành và sử dụng máy sẽ khó khăn và rất tốn kém. Lợi ích chuyển giao và

lan tỏa công nghệ từ các công ty FDI do đó cũng hạn chế và ít ỏi. Để có thể tối đa hóa lợi ích từ quá trình này, cũng như trên, Chính phủ cần thúc đẩy quá trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng đòi hỏi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

#### **2.5. Cơ hội lấy sức ép bên ngoài để cải cách thể chế bên trong**

Nhiều nhà kinh tế đã từng cho rằng, chuẩn bị cho việc gia nhập WTO (2007) là cơ hội để cải cách thể chế bên trong. Thực tế đã diễn ra nhiều thay đổi về qui định, chính sách nhằm đáp ứng yêu cầu của WTO. Những quy định trái với tinh thần của WTO đã bị xóa bỏ. Thế nhưng, cải cách thể chế thực sự vẫn chưa diễn ra. Những đổi mới thể chế đòi hỏi phải thay đổi cả hệ thống khuyến khích, làm cho các tác nhân trong nền kinh tế có những hành động khác: mang tính cạnh tranh, đổi mới và minh bạch lớn hơn. Những vấn đề này chưa có bước tiến lớn bởi lẽ việc giám sát sự thay đổi có chi phí quá lớn.

Với việc tham gia TPP, nhiều thể chế cũng cần phải thay đổi để phù hợp với yêu cầu mới. Đàm phán tham gia TPP có phạm vi rộng hơn cả khi gia nhập WTO. Bên cạnh “đàm phán về thị trường hàng hóa, dịch vụ, một số vấn đề liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ” như trong WTO “thì trong đàm phán TPP, các vòng đàm phán còn đề cập cả vấn đề mua sắm chính phủ, vấn đề lao động, môi trường, vấn đề doanh nghiệp nhà nước,...” (Phương Minh, 2013b). Như vậy, việc thay đổi thể chế của nền kinh tế bao trùm một phạm vi tương đối lớn và đòi hỏi sự tham gia của nhiều bộ, ngành. Thế nhưng việc đổi mới từ áp lực bên ngoài là chưa đủ. Việc đổi mới cần tạo nên sức ép cả từ bên trong, lấy cải cách thể chế như một nguyên tắc cho việc đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước và của nền kinh tế.

Tất cả các cơ hội từ việc tham gia TPP là rất lớn, nhưng như đã chỉ ra, các cơ hội không tự nhiên mà biến thành lợi ích, chuyên hóa thành công nghệ, thành tiền bạc và việc làm cho nền kinh tế. Quá trình chuyển biến cơ hội thành các lợi ích đòi hỏi phải có sự tham gia của doanh nghiệp và của các cấp chính quyền.

### **3. Thách thức từ TPP**

Thách thức từ việc tham gia TPP lớn không kém gì cơ hội. Các khuyến nghị chính sách trong phần sau sẽ nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi ích từ TPP và giảm thiểu hóa các thách thức. Có ba thách thức lớn, các thách thức này tồn tại song song và là mặt khác

của cơ hội tham gia TPP.

### **3.1. Thách thức từ cạnh tranh**

Bất kỳ bước tiến hội nhập nào vào nền kinh tế toàn cầu cũng đều hứng chịu thách thức từ sức ép cạnh tranh mạnh mẽ hơn vì hàng rào thuế quan và phi thuế quan thường phải hạ sau mỗi lần hội nhập sâu hơn.

Như vậy, nước ta có cơ hội xuất khẩu hàng hóa vào các thành viên khác của TPP thì các nước thành viên khác cũng có cơ hội xuất khẩu sang nước ta. Có nghĩa là sức ép cạnh tranh sẽ mạnh mẽ hơn. Chẳng hạn, ngành ô tô của Việt Nam sẽ gặp sức ép rất lớn từ Mỹ và Nhật Bản; hay ngành nông nghiệp với các mặt hàng thịt gà, lợn, bò, đường sẽ chịu sức ép cạnh tranh từ các thành viên khác như Úc và Mỹ.

Tuy nhiên, vì cơ cấu hàng hóa sản xuất của nước ta không quá tương đồng với các nước khác trong TPP nên thách thức từ cạnh tranh không quá lớn. Cũng như khi nước ta ký kết Hiệp định Thương mại Song phương Việt – Mỹ, hoạt động xuất khẩu tăng mạnh còn nhập khẩu không trở thành vấn đề nghiêm trọng.

### **3.2. Thách thức từ việc điều chỉnh chính sách**

Mỗi lần tham gia một Hiệp định, các chính sách sẽ cần có sự thay đổi tương ứng nhằm ứng phó với các tình huống của hội nhập. Không chuẩn bị trước từng kịch bản của hội nhập, không chuẩn bị trước việc thay đổi trong môi trường kinh tế khi tham gia TPP, các phản ứng chính sách có thể kém hiệu quả và dẫn đến những cú sốc lên nền kinh tế.

Một ví dụ nhãn tiền là khi gia nhập WTO, chúng ta cũng đã lường trước những khả năng, trong đó có việc dòng đầu tư trực tiếp và gián tiếp từ nước ngoài vào nền kinh tế gia tăng nhưng không lường hết được quy mô và tốc độ tăng của dòng ngoại tệ từ nước ngoài đổ vào. Khi dòng ngoại tệ vào lớn, chính sách tiền tệ không có những phản ứng tốt đã dẫn đến lạm phát gia tăng trong năm 2007 và tăng mạnh trong năm 2008, tạo nên cú sốc tiêu cực lên nền kinh tế, doanh nghiệp và người lao động. Cho dù các chính sách kích thích nền kinh tế được thiết kế ngay sau đó, nhưng chủ yếu doanh nghiệp kinh doanh bất động sản và chứng khoán được hưởng lợi, người lao động và nền kinh tế về tổng thể không thu được nhiều lợi ích.

Thách thức của việc thay đổi chính sách không hề nhỏ khi mà chất lượng của các nhà hoạch định chính sách và thực thi chính sách chưa được cải thiện. Việc cải thiện trình độ và chất lượng sẽ đòi hỏi mất

không ít thời gian. Bên cạnh đó, nhiều chính sách liên quan đến TPP sẽ cần phải thay đổi trong khi đây lại là những điểm yếu của nước ta như bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, vấn đề doanh nghiệp nhà nước, cạnh tranh, mua sắm chính phủ, trao cho người lao động quyền lập hội để làm việc với giới chủ, để hỗ trợ nhau lúc khó khăn (Quốc Khánh, 2013).

### **3.3. Thách thức từ việc thực hiện các quy định của TPP**

Theo Võ Trí Thành (2014), không chỉ các ngành đang được bảo hộ, năng lực cạnh tranh yếu kém sẽ chịu sức ép cạnh tranh từ bên ngoài, thậm chí cả các ngành có lợi thế trong cạnh tranh cũng sẽ gặp không ít rào cản, thách thức. Ví dụ, “dệt may phải đảm bảo nguyên tắc xuất xứ (một tỷ lệ đầu vào “từ sợi” phải là từ các thành viên TPP) để được áp thuế suất 0% của nước thành viên nhập khẩu. Hay như đối với hàng thủy sản, thuế suất không còn là rào cản chính nhưng các biện pháp kiểm dịch SPS có thể lại trở nên ngặt nghèo hơn”.

### **3.4. Thách thức từ việc “sa lầy thể chế”**

Cơ hội lớn nhất khi tham gia TPP là cải cách thể chế nhưng đồng thời thách thức từ tham gia TPP cũng lại là sa lầy thể chế. Điều này có nghĩa là, việc thay đổi thể chế sẽ là cơ hội do sức ép từ bên ngoài và thay đổi thể chế phù hợp với nền kinh tế thị trường sẽ đem lại lợi ích vô cùng lớn cho nền kinh tế và đất nước trong dài hạn. Thế nhưng, cải cách thể chế không phải đều làm cho mọi người được lợi. Mỗi sự thay đổi thể chế đều tạo ra những người được lợi và những người chịu thiệt. Thể chế theo hướng nguyên tắc của thị trường sẽ làm cho những tác nhân đang được bảo hộ bị thiệt hại trong khi đó những tác nhân này trong nhiều năm được bảo hộ đã tạo nên nguồn lực tài chính và nguồn vốn xã hội tương đối lớn, vì thế có thể tác động lên các nhà hoạch định chính sách và những bộ máy có thể thay đổi thể chế theo hướng tích cực. Một khi việc tham gia TPP không làm cho việc đổi mới thể chế diễn ra thực sự mà bị các nhóm lợi ích, nhóm được hưởng lợi từ thể chế cũ kìm giữ và kiểm soát, nền kinh tế và đất nước có thể bị sa lầy trong thể chế cũ, kìm hãm sự phát triển và quá trình đi lên thịnh vượng của đất nước.

Trong các thách thức trên, về mặt ngắn hạn, thách thức từ áp lực cạnh tranh với hàng hóa nước ngoài là lớn nhất; còn trong trung và dài hạn, thách thức từ việc “sa lầy thể chế” gay gắt hơn cả vì thể chế chính là nguyên nhân sâu xa nhất, cốt lõi nhất để thúc đẩy một quốc gia đi đến thịnh vượng hay rơi

vào cảnh đói nghèo.

#### **4. Khuyến nghị chính sách**

Từ các phân tích trên về cơ hội và thách thức khi tham gia TPP, dưới đây là các khuyến nghị chính sách nhằm tối đa hóa lợi ích từ các cơ hội và giảm thiểu hóa phí tổn từ các thách thức.

##### **4.1. Tuyên truyền, phổ biến, và chuẩn bị tinh thần cho các doanh nghiệp khi môi trường kinh tế thay đổi do tham gia TPP**

Hiện nay, rất nhiều doanh nghiệp không có đầy đủ hiểu biết về TPP. Nếu so với việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức và chuẩn bị tinh thần cho các doanh nghiệp khi nước ta tham gia WTO năm 2007 thì quá trình này cho việc tham gia TPP quá ít ỏi cả về nguồn lực và thời gian.

Việt Nam sẽ ký Hiệp định TPP vào năm 2014 nên việc tuyên truyền và phổ biến kiến thức trước khi ký kết Hiệp định không còn nhiều. Quá trình tuyên truyền có làm nhanh thì cũng không có những tác động thay đổi thực sự đến kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vì doanh nghiệp cần nhiều thời gian để thay đổi kế hoạch sản xuất, thay đổi công nghệ,... Do đó, quá trình tuyên truyền và phổ biến kiến thức TPP nên được thiết kế *trong khi* nước ta đang tham gia TPP. Có nghĩa là cách thức tuyên truyền, phổ biến sẽ đòi hỏi khác về mặt căn bản so với trước khi tham gia TPP.

Chẳng hạn, việc tuyên truyền và phổ biến sẽ phải nêu lên những khó khăn, thách thức thực sự của một số doanh nghiệp điển hình trong một số ngành nghề khi thực hiện TPP và đồng thời nêu lên các cơ hội mà các doanh nghiệp đã và đang đón nhận. Có nghĩa là việc tuyên truyền và phổ biến không còn là việc mừng tụng lên những tình huống khó khăn, thách thức và cơ hội mà là “việc thực”, các sự kiện đã xảy ra trong thực tế.

Trong quá trình đó, các hiệp hội, VCCI, các bộ ban ngành cũng cần tổ chức các cuộc hội thảo, diễn đàn để các doanh nghiệp, các nhà quản lý gặp gỡ trao đổi kinh nghiệm.

##### **4.2. Cải cách thể chế, tạo nên môi trường minh bạch, bình đẳng và ổn định để nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp trong nền kinh tế**

Đây là nội dung lớn và đòi hỏi thời gian. Hiện nay, nền kinh tế đang tiến triển theo hướng khá tích cực: nền kinh tế năm 2013 tương đối ổn định với tỷ lệ lạm phát thấp, cán cân thương mại cải thiện, thị trường vàng và thị trường ngoại hối không có những đợt dậy sóng như những năm trước đó,... Ổn định

kinh tế vĩ mô là điều kiện để thực hiện tái cấu trúc nền kinh tế theo 3 hướng: doanh nghiệp Nhà nước, đầu tư công và hệ thống ngân hàng thương mại. Vì đây là 3 chủ đề lớn trong nền kinh tế nên tái cấu trúc chúng sẽ dẫn đến việc tạo nên một môi trường kinh tế minh bạch, công bằng và mang tính cạnh tranh cao độ. Từ đó, sẽ tăng hiệu quả và năng suất của nền kinh tế, làm cho nền kinh tế tăng trưởng bền vững.

##### **4.3. Biến các lợi thế tĩnh thành lợi thế động**

Tham gia TPP sẽ làm tăng xuất khẩu, thu hút thêm FDI. Quá trình này sẽ chỉ tạo nên lợi ích tĩnh (tăng vốn và lao động), còn để tạo nên lợi ích động (cải thiện công nghệ) thì đòi hỏi phải có sự tham gia chủ động tích cực của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Việc tham gia này không thể chỉ tập trung vào một hay một vài lĩnh vực mà cần phải là sự tham gia tổng thể từ việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đến việc hỗ trợ về tài chính, thị trường cho các doanh nghiệp nhập khẩu công nghệ hiện đại, quy hoạch khu công nghiệp, khu chế xuất,... để tạo nên sự lan tỏa về mặt công nghệ lớn nhất.

##### **4.4. Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ hiện đại kết nối giữa các địa điểm tập trung mật độ sản xuất lớn đến các bến cảng, sân bay nhằm tận dụng tốt cơ hội xuất khẩu do Hiệp định TPP đem lại**

Việc xây dựng cơ sở hạ tầng để giảm thiểu chi phí sản xuất cho các nhà xuất khẩu cũng là cách hỗ trợ tối ưu nhất cho hoạt động xuất khẩu và phù hợp nhất với các quy định của WTO và các hiệp định thương mại khác.

Thông thường, các giải pháp thường được các nhà hoạch định chính sách hiểu rất tường tận nhưng hiện nay còn nhiều ràng buộc, cản trở quá trình thực hiện các giải pháp đó. Cụ thể là:

*Thứ nhất*, do thiếu vốn mà cơ sở hạ tầng kết nối các khu chế xuất, khu công nghiệp đến các bến cảng, sân bay không thể thực hiện, chưa nói đến cơ sở hạ tầng phải hiện đại.

*Thứ hai*, do các nhóm lợi ích cản trở các cải cách thể chế để làm cho môi trường đầu tư – kinh doanh minh bạch hơn và ổn định hơn. Mỗi lần mở cửa nền kinh tế sẽ có những người được hưởng lợi và những nhóm người bị mất mát, về mặt tổng thể, nền kinh tế sẽ được hưởng lợi, nhưng về việc thực hiện chính sách và cải cách thể chế thì phụ thuộc rất nhiều vào sự tương tác giữa những nhóm hưởng lợi và những nhóm thiệt hại. □

## Tài liệu tham khảo

- Acemoglu, D. (2003), Human Capital and the Nature of Technological Progress, AstraZeneca and StoraEnso Lecture, Stockholm.
- Phuong Minh (2013a), “TPP từ khía cạnh thị trường”, trang web của chính phủ, truy cập ngày 19 tháng 5 năm 2014 tại <http://baodientu.chinhphu.vn/Viet-Nam-va-TPP/TPP-tu-khia-canh-thi-truong/181290.vgp>
- Phuong Minh (2013b), TPP: Hiệp định thương mại của thế kỷ 21, trang web của chính phủ, truy cập ngày 19 tháng 5 năm 2014 tại <http://baodientu.chinhphu.vn/Kinh-te/TPP-Hiep-dinh-thuong-mai-cua-the-ky-21/180754.vgp>
- Petri, P. A. và Plummer, M. G. (2012), The Trans-Pacific Partnership and Asia-Pacific Integration: Policy Implications, *Policy Brief*, Peterson Institute for International Economics, No PB12-16.
- Quốc Khánh (2013), Tham gia Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) – Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam, Trang web Bộ Tài chính, truy cập ngày 19 tháng 5 năm 2014 tại [http://www.moj.gov.vn/tcdcp/tintuc/Lists/NghienCuuTraDoi/View\\_detail.aspx?ItemID=405](http://www.moj.gov.vn/tcdcp/tintuc/Lists/NghienCuuTraDoi/View_detail.aspx?ItemID=405)
- Võ Trí Thành (2014), “Tác động của TPP với Việt Nam có thể rất tích cực”, Thời báo Kinh tế Việt Nam, truy cập ngày 19 tháng 5 năm 2014 tại <http://vneconomy.vn/2014022311488351P0C9920/tac-dong-cua-tpp-voi-viet-nam-co-the-rat-tich-cuc.htm>

## Trans-Pacific Partnership: Opportunities, Challenges, and Policy Implications

### Abstract:

*Vietnam will soon join Trans-Pacific Partnership (TPP), which is expecting to foster economic growth and development. In this context, analyzing the opportunities and challenges from TPP is of necessity, so that the government could respond to difficulties promptly. Being a member of TPP, Vietnam may expand export markets and have more chances to adopt new technology, to attract more FDI, to enhance efficiency and effectiveness of the economy, and to renovate institutional framework. However, challenges such as intensive competitiveness, limited room for policies adjustments due to strict regulations of the TPP, and “institutional quagmire” are some that government will have to face. The analysis points out that Vietnamese government and enterprises should prepare to cope with challenges by some packages of measures, including the propaganda, disseminating knowledge and mental preparation for enterprises before joining TPP, institutional reforms toward safe and transparent business environment; upgrading infrastructure systems.*

---

### Thông tin tác giả:

**\*Phí Vĩnh Tường**, tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Viện Kinh tế Việt Nam

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: [phivinhtuong@gmail.com](mailto:phivinhtuong@gmail.com); [phivinhtuong@yahoo.co.jp](mailto:phivinhtuong@yahoo.co.jp)

**\*\*Phạm Sỹ An**, thạc sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Viện Kinh tế Việt Nam